BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ KIẾN SINH VIÊN ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021 - 2022 (CẬP NHẬT NGÀY 25/7/2022)

Đơn vị: Khoa Kinh tế và Quản lý công

STT	Khoá/Ngành /Chuyên ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
	2018												
1	Kinh tế đầu tư	1854020058	Trần Thị Thanh	Huyền	29/08/2000	2018	ĐH	3.59	90	Giỏi	6.190.000	70%	4.333.000
2		1854020228	Trần Thị Kim	ý	10/11/2000	2018	ĐH	3.59	90	Giỏi	6.190.000	70%	4.333.000
3		1854020019	Phạm Nhật	Duy	13/02/2000	2018	ĐH	3.59	80	Giỏi	6.190.000	70%	4.333.000
4		1854020011	Trang Thành	Công	25/03/2000	2018	ĐH	3.45	100	Giỏi	6.190.000	70%	4.333.000
5		1854020223	Dương Thị Kiều	Yến	29/01/2000	2018	ĐH	3.45	98	Giỏi	6.190.000	70%	4.333.000
6		1854020221	Quảng Thu	Xuân	08/03/2000	2018	ĐH	3.45	90	Giỏi	6.190.000	70%	4.333.000
7	Kinh tế quốc tế	1854020028	Nguyễn Thị Ánh	Đăng	30/06/2000	2018	ĐH	3.73	100	Xuất sắc	5.740.000	100%	5.740.000
8		1854020010	Nguyễn Thị	Chung	25/08/2000	2018	ĐH	3.59	90	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000
9		1854020012	Dương Ngọc Ánh	Cúc	06/01/2000	2018	ĐH	3.59	90	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000
10		1854020113	Nguyễn Ánh	Nhi	18/02/2000	2018	ĐH	3.59	90	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000
11		1854020005	Trần Quế	Anh	19/07/2000	2018	ĐH	3.59	90	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000
12		1854020064	Lê Quý	Khang	01/06/2000	2018	ĐH	3.59	85	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000
13		1854020118	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	26/09/2000	2018	ĐH	3.59	80	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000
14		1854020021	Đặng Thị Hồng	Duyên	25/10/2000	2018	ĐH	3.59	80	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000
15		1854020142	Nguyễn Như	Quỳnh	22/12/2000	2018	ĐH	3.45	90	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000
16		1854020114	Nguyễn Yến	Nhi	06/12/2000	2018	ĐH	3.45	90	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000
17		1854020181	Võ Ngọc Quỳnh	Thư	16/01/2000	2018	ĐH	3.45	90	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000
18		1854020127	Ngô Thành Hồng	Phúc	30/01/2000	2018	ĐH	3.45	90	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000

STT	Khoá/Ngành /Chuyên ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
19	Kinh tế quốc tế	1854020135	Đặng Đông	Quân	02/09/1999	2018	ĐH	3.45	85	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000
20		1854020031	Võ Thị Hồng	Gấm	30/01/2000	2018	ĐH	3.45	80	Giỏi	5.740.000	70%	4.018.000
	2019												
21	Kinh tế đầu tư	1954022015	Thái Thị	Bé	07/06/2001	2019	ĐH	3.90	90	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
22		1954022189	Trần Lê Hoài	Thương	19/05/2001	2019	ĐH	3.80	99	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
23		1954022235	Nguyễn Đỗ Hải	Yến	09/07/2001	2019	ĐH	3.80	98	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
24		1954022194	Nguyễn Thị Thu	Trang	20/08/2001	2019	ĐH	3.80	90	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
25		1954022070	Trần Quang	Hùng	04/09/2001	2019	ĐH	3.80	90	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
26		1954022018	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	13/03/2001	2019	ĐH	3.80	90	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
27		1954022115	Nguyễn Xuân	Nguyên	28/04/2001	2019	ĐH	3.80	90	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
28		1954022034	Nguyễn Đình Anh	Duy	16/01/2001	2019	ĐH	3.80	90	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
29		1954020051	Nguyễn Trần Phương	Quyên	22/06/2001	2019	ĐH	3.70 (8.64)	100	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
30	Kinh tế quốc tế	1954022161	Lê Thị Thanh	Thảo	28/02/2001	2019	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
31		1954022074	Nguyễn Vũ Quỳnh	Hương	02/10/2001	2019	ĐH	3.70	100	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
32		1954022122	Đặng Quỳnh	Nhi	01/01/2001	2019	ĐH	3.70	90	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
33		1954022101	Nguyễn Thị	Nga	18/04/2001	2019	ĐH	3.60	90	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
34		1954022234	Nguyễn Dương Hải	Yến	31/12/2001	2019	ĐH	3.60	90	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
35		1954022099	Nguyễn Thị Hoài	My	26/10/2001	2019	ĐH	3.60	90	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
36		1954022145	Hà Thị Xuân	Phương	11/01/2001	2019	ĐH	3.60	90	Xuất sắc	7.815.000	100%	7.815.000
37		1954022102	Phan Thị Thúy	Nga	06/01/2001	2019	ĐH	3.70	80	Giỏi	7.815.000	70%	5.470.500
	2020												
38	Kinh tế	2054022143	Võ Thu	Trúc	12/04/2002	2020	ĐH	3.82	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
39		2054022099	Nguyễn Thị Hoài	Như	04/04/2002	2020	ĐH	3.79	100	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
40		2054022147	Phạm Thanh	Tuyền	13/12/2002	2020	ĐH	3.79	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000

STT	Khoá/Ngành /Chuyên ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
41	Kinh tế	2054022115	Nguyễn Thị Minh	Tâm	31/07/2002	2020	ĐH	3.79	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
42		2054022104	Dư Huệ	Phương	18/01/2002	2020	ĐH	3.79	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
43		2054020456	Phạm Thị Lê	Thương	12/04/2002	2020	ĐH	3.79	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
44		2054020003	Nguyễn Thúy	An	15/03/2002	2020	ĐH	3.79	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
45		2054022029	Huỳnh Thị	Hà	04/03/2002	2020	ĐH	3.68	100	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
46		2054022025	Nguyễn Thị Anh	Đào	12/12/2002	2020	ĐH	3.68	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
47		2054022105	Mai Ngọc	Phương	01/11/2002	2020	ĐH	3.68	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
48		2054022141	Lê Thị Kiều	Trinh	15/09/2002	2020	ĐH	3.68	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
49		2054022121	Hà Nhi Thanh	Thảo	14/08/2002	2020	ĐH	3.68	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
50		2054020322	Huỳnh Thị	Nhung	10/03/2002	2020	ĐH	3.68	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
51		2054020291	Nguyễn Thanh	Nguyệt	29/08/2002	2020	ĐH	3.68	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
52		2054022033	Dương Trần Mỷ	Hạnh	28/11/2002	2020	ĐH	3.68	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
53		2054020349	Trần Thị Quỳnh	Như	17/11/2002	2020	ĐH	3.68	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
54		2054022131	Đỗ Hoàng ánh	Thư	29/09/2002	2020	ĐH	3.68	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000
55		2054022081	Dương Bảo	Ngọc	10/05/2002	2020	ĐH	3.68	90	Xuất sắc	7.450.000	100%	7.450.000

Xuất sắc: 35 Sinh viên
Giỏi: 20 Sinh viên

Tổng cộng: **55** Sinh viên
Tổng số tiền HBKKHT: **348.582.500** đồng
(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng chẵn./.)